TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2021
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tam;

2. Bà Huỳnh Thị Hồng Nho.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quang Khải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1989; Nơi cư trú: xã X, thị xã T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Anh Huỳnh Vũ Trường H, sinh năm 1983; Nơi cư trú: khóm L, phường S, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị L, anh H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L trình bày: Hôn nhân giữa chị L và anh H thông qua mai mối, được cha mẹ hai bên chấp nhận tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S (theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/3/2015). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp, vợ chồng thường

xuyên cãi nhau. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu Toà án giải quyết xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh H có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Vũ Trường K, sinh ngày 22/01/2012 và Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2017. Hiện cháu K và cháu Đ đang sống với chị L, sau khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn bản tự khai ngày 28/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Huỳnh Vũ Trường H trình bày:

Hôn nhân giữa anh H với chị L có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, về thời gian chung sống nhau, thời gian ly thân và mâu thuẫn vợ chồng đúng như trình bày trên của chị L. Nay do thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh H, anh H đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh H và chị L có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Vũ Trường K, sinh ngày 22/01/2012 và Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2017. Hiện cháu K và cháu Đ đang sống với chị L. Sau khi ly hôn anh H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Huỳnh Vũ Trường K, sinh ngày 22/01/2012; đồng ý giao cháu Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2017 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tải sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trường H, anh H đồng ý ly hôn với chị L.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 16/6/2021; biên bản lấy lời khai nguyên đơn ngày 18/6/2021, ngày 07/7/2021; biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 18/6/2021; biên bản lấy lời khai bị đơn ngày 28/4/2021, ngày 01/6/2021, ngày 07/7/2021; đơn xin xác nhận thu nhập ngày 29/4/2021; biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 28/4/2021. Cụ thể:

Toà án tiến hành ghi nhận lời khai của nguyên đơn là chị L theo các biên bản lấy lời khai về điều kiện nuôi con, chị L trình bày: Hiện tại các cháu Huỳnh Vũ Trường K, sinh ngày 22/01/2012 và Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2017 đang sinh sống cùng chị L tại nhà cha mẹ ruột của chị L thuộc xã X, thị xã T, tỉnh An Giang từ khi cháu Đ mới sinh vào năm 2017 cho đến nay. Thu nhập hằng ngày của chị L do buôn bán nhỏ lẻ, làm móng và gội đầu cho khách, hằng tháng chị L có em ruột là Nguyễn Thị Ngọc D đang sống tại nước Mỹ gửi tiền về cho chị L sử dụng riêng từ 700USD-2000USD. Nơi hiện tại chị L và các cháu đang sinh sống cách chợ khoảng 1km, cạnh trường mẫu giáo khoảng 2-3 căn nhà, cách trường Tiểu học cháu K đang đi học khoảng 700-800m, hằng ngày chị

L là người trực tiếp đưa cháu K đến trường. Do làm tại nhà nên chị L có nhiều thời gian trong ngày để chăm sóc cho các cháu, khi có khách hàng yêu cầu làm móng thì chị L nhờ mẹ ruột chăm sóc các cháu thay. Các cháu Đ và cháu K chị L nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay và các cháu đã cùng sống với chị L tại nhà cha mẹ ruột của chị L thuộc xã X, thị xã T, tỉnh An Giang (do cha mẹ ruột của chị L chủ sở hữu căn nhà).

Toà án tiến hành ghi nhận lời khai của bà Lê Thị H (mẹ ruột của chị L), Bà H trình bày: Bà H có ý kiến như chị L đã trình bày trên, từ lúc chị L sống tại nhà Bà H, khi chị L bận đi làm thì các cháu do bà chăm sóc thay. Các cháu đã có cuộc sống ổn định; khi chị L bận làm việc thì Bà H đã trực tiếp chăm sóc các cháu K và Đ thay chị L khi chị L đi làm.

Toà án tiến hành ghi nhận lời khai của bị đơn là anh H theo các biên bản lấy lời khai về điều kiện nuôi con, anh H trình bày: Thu nhập hằng tháng của anh H chủ yếu từ việc làm 10 công đất ruộng (đất của cha, mẹ) và anh H có thuê 4 công đất rẫy, thu nhập ruộng và rẫy mỗi mùa vụ từ 10.000.000-15.000.000 đồng (03 tháng/1 mùa vụ), không có nguồn thu nhập khác thêm. Hiện tại anh H đang sinh sống cùng cha mẹ ruột tại căn nhà thuộc khóm L, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang do cha mẹ ruột của anh H đứng tên chủ sở hữu. Khi ly hôn anh H yêu cầu giao cháu K cho anh H nuôi dưỡng, nếu giao cháu K cho anh H nuôi dưỡng thì cháu K sẽ cùng sống với anh H sống tại nhà cha mẹ ruột của anh H. Hiện nay căn nhà tại khóm L, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang có cha mẹ ruột của anh H, 02 (hai) người em ruột của anh H và anh H đang sinh sống; căn nhà cách chợ khoảng 500m, cách trường Tiểu học B Long Sơn khoảng 200m. Do làm ruộng và rẫy nên anh H đi làm một buổi, còn một buổi sẽ dành thời gian chăm sóc con, khi anh H đi làm thì có ông bà nội của cháu ở cùng nhà chăm sóc thay.

Toà án tiến hành xác minh tại Ban nhân dân xã X, thị xã T, tỉnh An Giang cho biết: Chị L và anh H là vợ chồng lúc trước sống ở ấp 1, xã X, thị xã T, tỉnh An Giang khoảng 3,4 năm nay, từ khi chị L chuyển về sinh sống tại xã X, thị xã T, tỉnh An Giang thì không thấy anh H đến thăm và không có sinh sống cùng mẹ con chị L tại xã X, thị xã T, tỉnh An Giang nên Ban ấp không biết về tình trạng hôn nhân hay mâu thuẫn của anh H và chị L. Anh H và chị L có 02 con chung tên Huỳnh Vũ Trường K, sinh ngày 22/01/2012 và Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2017; Hiện cháu K và cháu Đ đang sống cùng chị L và cha mẹ ruột của chị L tại căn nhà thuộc xã X, thị xã T, tỉnh An Giang, được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, các cháu được đi học đúng độ tuổi. Thu nhập hàng ngày của chị L có buôn bán các loại mỹ phẩm tại nhà, đồng thời hằng tháng chị L có em ruột từ nước ngoài gửi tiền về cho chị L. Chị L có điều kiện và thời gian chăm sóc các cháu K và cháu Đ, các cháu được đi học đúng với lứa tuổi.

Toà án tiến hành ghi nhận ý kiến cháu Huỳnh Vũ Trường K, sinh ngày 22/01/2012, cháu K trình bày hiện cháu K đang sống cùng mẹ là chị L, khi cha mẹ cháu ly hôn, cháu K có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là chị L.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa: Hôn nhân giữa chị L và anh H thông qua mai mối, được cha mẹ hai bên chấp nhận tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường S theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/3/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tình tình không hoà hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay do thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh H, anh H đồng ý ly hôn với chị L là có căn cứ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh H có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Vũ Trường K, sinh ngày 22/01/2012 và Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2017. Hiện cháu K và cháu Đ đang sống với chị L, sau khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H không đồng ý và yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Huỳnh Vũ Trường K, sinh ngày 22/01/2012, anh H đồng ý giao cháu Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2017 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Tuy nhiên, do cháu K và cháu Đ sống cùng với mẹ từ khi sinh ra cho đến nay, được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, được đến trường đúng lứa tuổi, cháu K có nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi cha mẹ cháu ly hôn. Đồng thời, các cháu vẫn còn nhỏ tuổi, đã quen sống với mẹ. Để đảm bảo về mặt tinh thần và sự phát triển cho các cháu, việc giao cháu K và cháu Đ cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết L được ly hôn anh Huỳnh Vũ Trường H.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết L được tiếp tục nuôi dạy cháu Huỳnh Vũ Trường K, sinh ngày 22/01/2012 và Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2017. Anh Huỳnh Vũ Trường H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Tuyết L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Vũ Trường H. Anh H có nơi cư trú: khóm L, phường S, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị L và anh H thông qua mai mối, được cha mẹ hai bên chấp nhận tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường S theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/3/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tình tình không hoà hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay do thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh H, anh H đồng ý ly hôn với chị L.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị L và anh H hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh H có ý kiến chấp nhận ly hôn với chị L. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa chị L và anh H đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị L ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh H có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Vũ Trường K, sinh ngày 22/01/2012 và Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2017. Hiện cháu K và cháu Đ đang sống với chị L, sau khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H không đồng ý và yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Huỳnh Vũ Trường K, sinh ngày 22/01/2012, anh H đồng ý giao cháu Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2017 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Xét, do cháu K và cháu Đ sống cùng với mẹ từ khi sinh ra cho đến nay, được chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, được đến trường đúng lứa tuổi, cháu K có nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi cha mẹ cháu ly hôn. Đồng thời, các cháu vẫn còn nhỏ tuổi, thời gian sống với mẹ (chị L) từ khi sinh ra đến nay; Chị L có đủ điều kiện và có nhiều thời gian để chăm sóc, nuôi dạy các cháu K và Đ. Đối với anh H thì có yêu cầu nuôi dưỡng cháu Huỳnh Vũ Trường K, sinh ngày 22/01/2012 và có trình bày có đủ các điều kiện để chăm sóc nuôi dạy cháu K tốt. Chị L và anh H, cả hai anh, chị đều có điều kiện nuôi dạy các cháu tốt như điều kiện thu nhập, thời gian chăm sóc con, điều kiện ăn, ở và học tập, tuy nhiên HĐXX, xét thấy các cháu K và Đ sống chung với với chị L từ khi sinh ra cho đến nay. Mặt khác, cháu K có nguyện vọng sống với chị L khi chị L và anh H ly hôn.

Để đảm bảo về mặt tinh thần và sự phát triển cho các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Huỳnh Vũ Trường K, sinh ngày 22/01/2012 và Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2017 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Nguyễn Thị Tuyết L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Huỳnh Vũ Trường H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cặp đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí.

Anh Huỳnh Vũ Trường H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết L.

Chị Nguyễn Thị Tuyết L được ly hôn với anh Huỳnh Vũ Trường H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 20/3/2015 do Ủy ban nhân dân phường S, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Tuyết L và anh Huỳnh Vũ Trường H không còn giá trị pháp lý

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết L được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Huỳnh Vũ Trường K, sinh ngày 22/01/2012 và Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 06/3/2017 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Anh Huỳnh Vũ Trường H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Tuyết L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Huỳnh Vũ Trường H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số TU/2019/0002371 ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Nguyễn Thị Tuyết L đã nộp đủ án phí.

Anh Huỳnh Vũ Trường H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Tuyết L và anh Huỳnh Vũ Trường H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TX. Tân Châu;
- TAND tỉnh An Giang;
- CC.THADS TX. Tân Châu;
- UBND phường S, thị xã T, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Dẫm